

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 24/2018/DS-ST

Ngày: 26/10/2018

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Vũ Hùng.

2. Ông Trần Hồng Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Phan Đức Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 06 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 09 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn T, sinh năm: 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn A, huyện M, tỉnh T.

2. *Bị đơn:*

Anh Đặng Chí B, sinh năm: 1982 (vắng mặt).

Chị Phạm Thị T, sinh năm: 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện H, tỉnh A.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn A, huyện M, tỉnh T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 06 năm 2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phạm Văn T trình bày: Có cho anh Đặng Chí B, chị Phạm Thị T vay tiền nhiều lần, không lãi suất. Do anh B, chị T vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Năm 2015 các bên thỏa thuận và xác lập lại hợp đồng vay tiền, xác định lại ngày vay là ngày 01/01/2014 và xác nhận lại số tiền vay đến ngày 26/12/2015 thì anh B, chị T còn nợ là 205.000.000 đồng, không tính lãi suất, anh B, chị T có nghĩa vụ trả đủ tiền vào tháng 03 năm 2016, nhưng anh B, chị T không thực hiện. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết để anh B, chị T liên đới trả số tiền 205.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất chậm trả.

Tại bản tự khai ngày 15 tháng 10 năm 2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ngọc B trình bày: Có cho vợ chồng anh B, chị T vay số tiền 205.000.000 đồng. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết để vợ chồng anh B, chị T liên đới trả số tiền 205.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất chậm trả.

Do anh Đặng Chí B, chị Phạm Thị T không đến Tòa án, Tòa án tiến hành lập biên bản không hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Anh Phạm Văn T khởi kiện anh Đặng Chí B, chị Phạm Thị T về việc “Hợp đồng vay tài sản”, do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng quy định; của Hội đồng xét xử đều đúng quy định, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định, bị đơn chưa chấp hành quy định của pháp luật.

Anh B, chị T, chị B được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án: Việc anh T và vợ chồng anh B, chị T đối chiếu nợ vào ngày 26/12/2015, xác định thời gian vay tiền vào ngày 01/01/2014, số tiền là 205.000.000 đồng, không lãi suất, thời hạn trả nợ là tháng 03 năm 2016. Đây là hợp đồng vay tài sản không tính lãi suất. Tuy nhiên, anh B, chị T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho anh T, đã vi phạm Điều 466 của Bộ luật dân sự. Nay anh T khởi kiện yêu cầu anh B, chị T liên đới trả số tiền 205.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Tòa án thụ lý giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” là đúng thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Đặng Chí B, chị Phạm Thị T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh B, chị T không đến, Tòa án lập biên bản không hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần cho anh B, chị T, chị B nhưng anh B, chị T, chị B vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh B, chị T, chị B theo Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

[1] Hợp đồng vay tiền giữa anh Phạm Văn T, chị Nguyễn Thị Ngọc B với anh Đặng Chí B, chị Phạm Thị T được xác lập vào ngày 01/01/2014, theo giấy biên bản thỏa thuận xác nhận nợ do anh T cung cấp, có chữ ký và chữ viết họ tên Đặng Chí B, thể hiện thời hạn trả tiền vào cuối tháng 03 năm 2016, không thể hiện lãi suất. Như vậy “Hợp đồng vay tài sản” giữa anh T, chị B với anh B, chị T là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi. Do anh B, chị T vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên

phát sinh tranh chấp. “Hợp đồng vay tài sản” giữa anh T, chị B với anh B, chị T đang được thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự 2005.

Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Do “Hợp đồng vay tài sản” giữa anh T, chị B với anh B, chị T được thực hiện theo Bộ luật dân sự 2005, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2015. Như vậy, theo quy định tại Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì “Hợp đồng vay tài sản” giữa anh T, chị B với anh B, chị T được áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết.

[2] Anh Đặng Chí B, chị Phạm Thị T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự thì anh B, chị T có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh nhưng anh B, chị T không đưa ra được chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ.

Năm 2016 anh T có khởi kiện anh B, chị T được Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng thụ lý vụ án Dân sự số 146/2016/TLST-DS ngày 03/11/2016. Đến ngày 09/01/2017 anh T rút đơn khởi kiện, Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Anh T yêu cầu Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ sao lục hồ sơ vụ án, tại biên bản ghi lời khai ngày 03/11/2016 của Tòa án thể hiện anh Đặng Chí B, chị Phạm Thị T đều thừa nhận có vay và đồng ý trả cho anh T số tiền là 205.000.000 đồng.

[3] Anh Phạm Văn T, chị Nguyễn Thị Ngọc B khẳng định anh Đặng Chí B, chị Phạm Thị T có vay số tiền 205.000.000 đồng vào ngày 01/01/2014, anh T cung cấp cho Tòa án 01 giấy biên bản thỏa thuận xác nhận nợ có chữ ký và chữ viết Đặng Chí B, thời hạn trả tiền vào tháng 03 năm 2016 nhưng anh B, chị T chưa thực hiện. Như vậy, hợp đồng vay tiền giữa anh T, chị B với anh B, chị T là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi, nhưng anh B, chị T không thực hiện đúng theo thỏa thuận. Nay anh T, chị B yêu cầu là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463, 466 và Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015.

Anh Đặng Chí B, chị Phạm Thị T phải có nghĩa vụ trả số tiền 205.000.000 đồng cho anh Phạm Văn T, chị Nguyễn Thị Ngọc B.

Anh Phạm Văn T, chị Nguyễn Thị Ngọc B không yêu cầu tính tiền lãi suất chậm trả nên không đề cập đến.

[4] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do toàn bộ yêu cầu của anh T, chị B được Tòa án chấp nhận nên anh B, chị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, mức án phí là 5% của số tiền anh B, chị T phải trả cho anh T, chị B.

Anh Phạm Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho anh T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Các Điều 463, 466, 470, 688 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn T, chị Nguyễn Thị Ngọc B đối với anh Đặng Chí B, chị Phạm Thị T về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Buộc anh Đặng Chí B, chị Phạm Thị T phải liên đới trả cho anh Phạm Văn T, chị Nguyễn Thị Ngọc B số tiền 205.000.000 đồng (bằng chữ: hai trăm lẻ năm triệu đồng).

Kể từ ngày anh T, chị B có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu anh B, chị T chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì anh B, chị T còn phải liên đới trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

Anh Đặng Chí B, chị Phạm Thị T phải liên đới chịu 10.250.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phạm Văn T, chị Nguyễn Thị Ngọc B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh T 5.125.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0008272 ngày 11/06/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh/Huyện;
- Chi cục THA DS;
- Các đ/s;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Văn Hựu